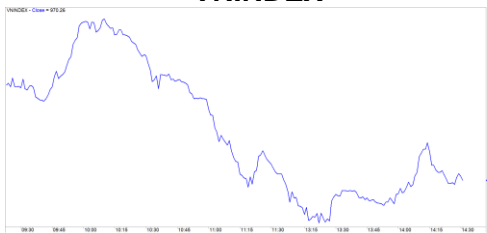


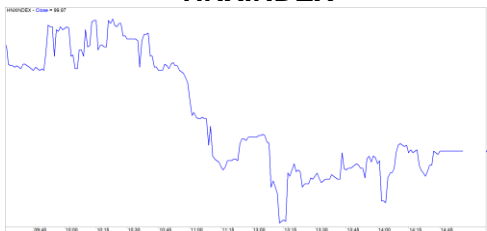
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	970.26	99.97	56.15
% ngày	-0.40%	-0.87%	-0.60%
% tuần	-0.93%	-1.41%	-2.02%
% tháng	-0.42%	-2.74%	-3.90%
% năm	-0.01%	-9.68%	10.01%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	3,804	559	338
TB 1 tuần	3,560	368	313
TB 1 tháng	3,869	360	435
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	433.42	13.08	47.05
Bán	375.74	69.52	28.49
Giá trị ròng	57.68	-56.44	18.56
Độ rộng TT			
Mã Tăng	101	52	174
Mã Giảm	191	82	117
Không Đổi	93	234	606
Chỉ số chính			
P/E	16.43	8.94	18.61
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,297	185	982
LS Cổ tức	1.25%	4.71%	5.01%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Tâm lý thận trọng chi phối thị trường khiến các chỉ số tiếp tục điều chỉnh. Chỉ số VN-Index giảm 0.4% đóng cửa tại 970.26 điểm, chỉ số HNX-Index cũng mất 0.87% dừng tại 99.97 điểm trong khi Upcom-Index trượt 0.61% neo tại 56.15 điểm. Giá trị giao dịch gia tăng lên mức 3,500 tỷ đồng cho thấy bên bán chiếm thế chủ động trong phiên.

Thị trường diễn biến tiêu cực trong phiên chiều khi lực bán được đẩy mạnh và lan rộng. Độ rộng thị trường co hẹp với số mã giảm gấp đôi số mã tăng. Nhiều bluechip bị bán ra mạnh có thể kể ra như BVH(-3.6%), PNJ(-2.9%), TCB(-1.2%), CTD(-1.1%). GMD giảm 3.4% với thanh khoản gia tăng đạt 1,7 triệu cổ phiếu...MSN(+2.8%), ROS(+1.6%) là 2 mã tăng vượt trội so với thị trường.

Lực bán tiếp tục đeo bám nhóm BĐS Khu Công Nghiệp, Logistic, Cảng biển khi TIP, SZL, SZC, PHR, D2D, DVP, GMD đều giảm trên 3%. NAF(+7%), TCH(+3.5%), PC1(+2.6%), GEX(+2.4%) là số ít mã đi ngược thị trường chung.

Khối ngoại tiếp tục mua ròng nhưng chỉ vọt vọt hơn 19 tỷ đồng trên cả ba sàn. PLX(28.5 tỷ), NVL(24 tỷ) là những mã được mua ròng tích cực nhất. Ở chiều ngược lại, NET, PHR dẫn đầu danh sách bán ròng lần lượt 55.4 tỷ và 44 tỷ đồng.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng xu hướng ngắn hạn đã trở nên tiêu cực hơn và chỉ số VN-Index có thể sẽ quay trở lại kiểm định vùng đáy ngắn hạn 955 – 960 điểm. Đồng thời, rủi ro ngắn hạn có chiều hướng gia tăng cho thấy đà giảm ngắn hạn có thể sẽ tiếp tục được mở rộng, nhưng nhiều cổ phiếu cũng đã hình thành đà giảm sâu trước đó cho nên dòng tiền bắt đáy nhiều khả năng sẽ quay trở lại trong một vài phiên tới. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục giảm mạnh cho thấy chiến lược ngắn hạn vẫn là hạ tỷ trọng cổ phiếu.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức kháng cự ở mức 988.62 điểm của chỉ số VN-Index và 102.91 điểm của chỉ số HNX-Index. Đồng thời, xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN30 cũng bị hạ từ mức TĂNG xuống GIẢM. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn tiếp tục hạ tỷ trọng cổ phiếu về mức khuyến nghị.

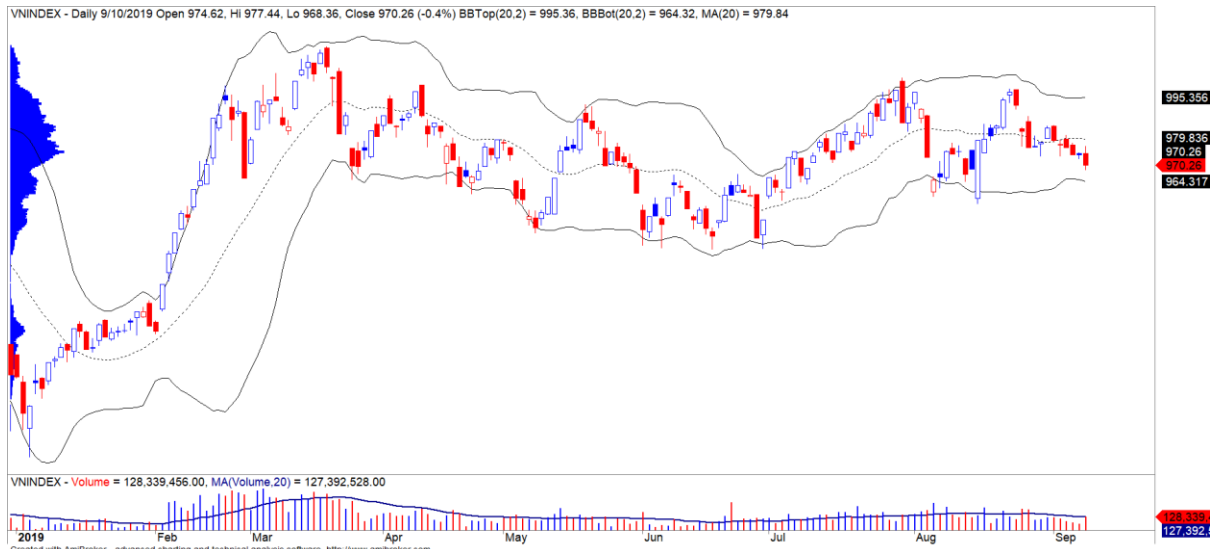
Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 29.5% cổ phiếu/70.5% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	TĂNG	1,000	1,025	965	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	108	110	105	101
Chỉ số VN30	GIẢM	TĂNG	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	TĂNG	835	845	822	804

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15.95	GIẢM	GIẢM		16.64				18.10		
ACB	21.70	TĂNG	GIẢM	22.70	21.52	-4.41%			23.85		
ACV	71.00	GIẢM	GIẢM		81.89			90.00	81.77	-9.15%	BÁN
ANV	25.20	TĂNG	GIẢM	25.45	24.04	-0.98%			27.72		
ASM	5.98	GIẢM	GIẢM		6.28				6.91		
BFC	14.90	GIẢM	GIẢM		15.88				17.49		
BID	38.30	TĂNG	TĂNG	32.65	37.25	17.30%		33.40	33.99	14.67%	
BMP	48.70	GIẢM	TĂNG		50.85			48.30	45.44	0.83%	
BSR	8.90	GIẢM	GIẢM		9.75				11.05		
BVH	72.30	GIẢM	GIẢM		77.61				84.78		
BWE	25.95	GIẢM	TĂNG		27.14			20.00	25.45	29.75%	
CEO	10.00	GIẢM	GIẢM		10.35				11.21		
CII	20.00	GIẢM	GIẢM	21.05	20.05	-4.73%	BÁN		22.68		
CMG	37.00	GIẢM	TĂNG		40.64			23.20	34.96	59.48%	
CMX	30.20	GIẢM	TĂNG	30.30	31.00	2.30%	BÁN	5.91	26.79	411.00%	
CSM	14.50	GIẢM	TĂNG		15.44			14.39	14.22	0.76%	
CTD	96.00	TĂNG	GIẢM	97.00	93.14	-1.03%			110.33		
CTG	19.75	GIẢM	GIẢM		20.54				22.22		
CTI	23.30	GIẢM	GIẢM		24.15				24.64		
CTR	37.00	GIẢM	N/A		47.78			-	N/A		
CVT	20.00	GIẢM	TĂNG		20.94			20.35	18.94	-1.72%	
DCM	8.39	TĂNG	GIẢM	8.47	8.26	-0.94%		8.54	8.53	-0.09%	MUA
DGC	27.20	GIẢM	GIẢM		28.77			31.90	27.79	-12.89%	BÁN
DGW	23.10	GIẢM	TĂNG		24.26			23.50	21.45	-1.70%	
DHA	30.55	GIẢM	GIẢM		34.96			29.10	32.95	13.21%	
DHC	33.00	TĂNG	GIẢM	33.00	32.69	0.00%	MUA		35.46		
DHG	91.00	GIẢM	GIẢM		95.68				102.97		
DIG	13.35	GIẢM	TĂNG		14.62			13.90	12.65	-3.96%	
DPG	41.80	GIẢM	GIẢM		47.54			40.02	44.62	11.51%	BÁN
DPM	13.20	GIẢM	GIẢM		13.92				15.13		
DPR	38.00	GIẢM	GIẢM		41.00				46.43		
DQC	18.15	GIẢM	GIẢM		19.76				20.27		
DRC	21.30	GIẢM	TĂNG	20.45	21.35	4.39%	BÁN	21.60	19.76	-1.39%	
DXG	15.15	TĂNG	TĂNG	16.15	14.32	-6.19%		15.50	12.29	-2.26%	
EIB	16.85	GIẢM	GIẢM		17.63			14.70	16.88	14.83%	

We Create Fortune

FCN	11.95	GIẢM	GIẢM		12.49			13.62			
FMC	27.20	GIẢM	TĂNG		28.61			31.60	26.18	-13.92%	
FPT	54.00	TĂNG	TĂNG	45.20	51.41	19.47%		46.00	48.73	17.39%	
GAS	99.30	TĂNG	GIẢM	105.20	98.12	-5.61%			109.55		
GEX	21.50	TĂNG	TĂNG	22.20	20.27	-3.15%		20.20	18.55	6.44%	
GIL	20.85	GIẢM	GIẢM		22.64				24.97		
GMD	26.85	GIẢM	TĂNG	26.55	27.45	3.39%	BÁN	28.50	25.99	-5.79%	
GTN	19.65	TĂNG	TĂNG	18.80	18.66	4.52%		15.00	16.84	31.00%	
GVR	13.20	GIẢM	N/A		15.21				N/A		
HAG	4.77	GIẢM	GIẢM		4.98				5.46		
HAX	19.20	GIẢM	TĂNG		20.58			15.75	17.40	21.90%	
HBC	13.10	GIẢM	GIẢM		13.71				15.60		
HCM	21.30	GIẢM	GIẢM		21.55				23.15		
HDB	25.40	GIẢM	GIẢM		26.29				27.77		
HDC	20.40	GIẢM	TĂNG		22.01			15.25	18.89	33.77%	
HDG	33.00	GIẢM	TĂNG		36.08			35.30	32.61	-6.52%	
HNG	17.30	GIẢM	TĂNG		17.89			17.10	16.59	1.17%	
HPG	21.30	GIẢM	GIẢM		22.33				23.96		
HSG	6.49	GIẢM	GIẢM		6.90				7.74		
HT1	15.50	GIẢM	GIẢM		15.88				16.70		
HUT	2.30	TĂNG	GIẢM	2.40	2.17	-4.17%			2.83		
HVN	32.30	GIẢM	GIẢM		35.43				41.32		
KBC	15.50	TĂNG	TĂNG	16.00	15.39	-3.13%		15.35	14.37	0.98%	
KDH	23.75	TĂNG	TĂNG	22.90	23.50	3.71%		24.00	22.19	-1.04%	
KSB	21.70	GIẢM	TĂNG		23.46			23.90	21.11	-9.21%	
LCG	9.16	TĂNG	GIẢM	9.60	9.10	-4.58%			10.55		
LDG	10.05	TĂNG	TĂNG	8.18	9.48	22.86%		9.89	9.15	1.62%	MUA
LHG	16.95	GIẢM	GIẢM		18.56			19.30	17.32	-10.26%	
LPB	7.40	GIẢM	GIẢM		7.84				8.33		
LSS	5.18	TĂNG	GIẢM	5.39	5.01	-3.90%			5.80		
MBB	22.55	TĂNG	TĂNG	22.20	22.51	1.58%		21.85	21.21	3.20%	
MPC	27.90	GIẢM	GIẢM		30.41				36.71		
MSN	76.10	GIẢM	GIẢM		76.91				83.22		
MSR	17.60	TĂNG	GIẢM	17.60	16.87	0.00%	MUA		19.01		
MWG	114.90	GIẢM	TĂNG		119.29			88.70	108.74	29.54%	
NDN	16.40	GIẢM	TĂNG		17.90			13.70	16.27	19.71%	
NKG	5.75	GIẢM	GIẢM		6.29				6.85		
NLG	28.25	GIẢM	TĂNG		29.07			28.70	26.73	-1.57%	
NT2	25.30	TĂNG	GIẢM	25.10	24.87	0.80%			26.43		



We Create Fortune

NTL	21.95	GIẢM	GIẢM		24.09			10.45	23.02	120.28%	BÁN
NVL	61.80	GIẢM	GIẢM		63.82				62.33		
OIL	10.40	GIẢM	GIẢM		11.50				12.38		
PAC	27.70	TĂNG	GIẢM	28.80	26.81	-3.82%			32.50		
PC1	19.85	TĂNG	TĂNG	17.45	18.22	13.75%			18.38		
PDR	26.20	GIẢM	TĂNG		26.78			29.00	25.01	-9.66%	
PHR	53.30	GIẢM	GIẢM		62.17			24.00	64.76	169.84%	BÁN
PLX	62.00	GIẢM	TĂNG		62.16			62.40	59.59	-0.64%	
PNJ	78.10	GIẢM	GIẢM		83.85			104.00	78.69	-24.34%	
POW	12.30	GIẢM	GIẢM		13.23				14.63		
PVT	17.65	GIẢM	TĂNG		18.14			18.30	16.28	-3.55%	
PPC	25.00	GIẢM	GIẢM		26.44				29.10		
PTB	68.30	GIẢM	TĂNG		71.19			64.00	64.57	6.72%	
PVB	19.90	GIẢM	TĂNG		21.35			20.10	19.27	-1.00%	
PVD	17.10	GIẢM	TĂNG	16.35	17.66	8.01%	BÁN	18.10	15.86	-5.52%	
PVI	32.80	GIẢM	GIẢM		35.55				39.70		
PVS	19.40	GIẢM	GIẢM	21.60	20.11	-6.89%	BÁN		23.52		
PXS	5.06	GIẢM	GIẢM		5.57				6.76		
QNS	30.40	TĂNG	TĂNG	31.20	29.92	-2.56%		33.80	27.77	-10.06%	
REE	35.00	GIẢM	TĂNG		37.15			33.33	33.81	5.03%	
SAB	263.00	GIẢM	TĂNG		275.19			245.00	257.56	7.35%	
SAM	7.80	GIẢM	TĂNG		7.95			7.40	7.69	5.41%	
SCR	6.58	GIẢM	GIẢM	6.92	6.61	-4.49%	BÁN		7.11		
SHI	9.49	TĂNG	TĂNG	8.39	8.90	13.11%		6.99	8.04	35.77%	
SJS	16.90	GIẢM	GIẢM	18.35	17.24	-6.05%	BÁN	-	19.89		
SKG	11.10	GIẢM	GIẢM		11.61				12.51		
SSI	20.70	GIẢM	GIẢM		21.80				23.89		
STB	10.05	GIẢM	GIẢM		10.55				11.20		
TCB	21.45	GIẢM	GIẢM	20.85	21.49	3.05%	BÁN		22.22		
TCM	21.95	GIẢM	GIẢM		22.72				27.50		
TDH	9.76	TĂNG	TĂNG	9.40	9.67	3.83%		10.15	8.93	-3.84%	
TLH	4.45	GIẢM	GIẢM	4.75	4.49	-5.52%	BÁN		5.13		
TNG	18.00	GIẢM	GIẢM		18.87				21.22		
VCB	77.70	TĂNG	TĂNG	80.00	76.30	-2.87%		62.00	73.39	25.32%	
VCG	26.30	TĂNG	TĂNG	27.00	25.76	-2.59%		19.20	24.08	36.98%	
VCS	83.00	GIẢM	TĂNG		87.71			68.00	78.29	22.06%	
VGC	19.50	TĂNG	GIẢM	19.25	18.46	1.30%			20.53		
VGT	8.60	GIẢM	GIẢM		9.05				9.96		
VHC	80.00	TĂNG	GIẢM	80.80	75.84	-0.99%			88.18		

We Create Fortune

VHM	88.00	TĂNG	TĂNG	87.30	85.77	0.80%		90.20	76.90	-2.44%	
VIB	16.80	GIẢM	TĂNG		18.39			17.70	16.40	-5.08%	
VIC	122.00	TĂNG	TĂNG	126.10	120.57	-3.25%		112.00	113.76	8.93%	
VIP	5.06	GIẢM	GIẢM		5.14				5.48		
VJC	133.30	TĂNG	TĂNG	134.50	129.90	-0.89%		124.50	124.16	7.07%	
VND	13.75	GIẢM	GIẢM		14.07				15.52		
VNG	20.95	TĂNG	TĂNG	19.10	20.34	9.69%		20.20	18.34	3.71%	
VNM	123.70	TĂNG	GIẢM	124.00	119.93	-0.24%			130.37		
VPB	20.10	TĂNG	TĂNG	19.10	19.65	5.24%		20.30	18.32	-0.99%	
VPI	41.35	TĂNG	TĂNG	42.20	40.42	-2.01%		41.30	39.27	0.12%	
VRC	15.50	TĂNG	GIẢM	15.30	15.42	1.31%			16.26		
VRE	33.70	GIẢM	TĂNG		35.31			35.00	33.61	-3.71%	
VSC	28.20	TĂNG	GIẢM	28.60	28.01	-1.40%			31.41		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	21.70	TĂNG	GIẢM	22.70	21.52	-4.41%			23.85		
BID	38.30	TĂNG	TĂNG	32.65	37.25	17.30%		33.40	33.99	14.67%	
BSR	8.90	GIẢM	GIẢM		9.75				11.05		
BVH	72.30	GIẢM	GIẢM		77.61				84.78		
CTG	19.75	GIẢM	GIẢM		20.54				22.22		
EIB	16.85	GIẢM	GIẢM		17.63			14.70	16.88	14.83%	
FPT	54.00	TĂNG	TĂNG	45.20	51.41	19.47%		41.00	48.73	31.72%	
GAS	99.30	TĂNG	GIẢM	105.20	98.12	-5.61%			109.55		
HDB	25.40	GIẢM	GIẢM		26.29				27.77		
HNG	17.30	GIẢM	TĂNG		17.89			17.10	16.59	1.17%	
HPG	21.30	GIẢM	GIẢM		22.33				23.96		
HVN	32.30	GIẢM	GIẢM		35.43				41.32		
KDH	23.75	TĂNG	TĂNG	22.90	23.50	3.71%		24.00	22.19	-1.04%	
MBB	22.55	TĂNG	TĂNG	22.20	22.51	1.58%		21.27	21.21	6.01%	
MSN	76.10	GIẢM	GIẢM		76.91				83.22		
MWG	114.90	GIẢM	TĂNG		119.29			88.70	108.74	29.54%	
NVL	61.80	GIẢM	GIẢM		63.82				62.33		
OIL	10.40	GIẢM	GIẢM		11.50				12.38		
PLX	62.00	GIẢM	TĂNG		62.16			59.97	59.59	3.38%	
PNJ	78.10	GIẢM	GIẢM		83.85			77.88	78.69	1.04%	

We Create Fortune

POW	12.30	GIẢM	GIẢM		13.23				14.63		
PVS	19.40	GIẢM	GIẢM	21.60	20.11	-6.89%	BÁN		23.52		
QNS	30.40	TĂNG	TĂNG	31.20	29.92	-2.56%		33.80	27.77	-10.06%	
REE	35.00	GIẢM	TĂNG		37.15			33.33	33.81	5.03%	
ROS	28.00	TĂNG	GIẢM	27.50	25.24	1.82%			29.25		
SSI	20.70	GIẢM	GIẢM		21.80				23.89		
STB	10.05	GIẢM	GIẢM		10.55				11.20		
TCB	21.45	GIẢM	GIẢM	20.85	21.49	3.05%	BÁN		22.22		
TPB	21.95	GIẢM	GIẢM		23.11				N/A		
VCB	77.70	TĂNG	TĂNG	80.00	76.30	-2.87%		62.00	73.39	25.32%	
VCG	26.30	TĂNG	TĂNG	27.00	25.76	-2.59%		18.44	24.08	42.62%	
VEA	51.70	GIẢM	GIẢM		56.27				N/A		
VGI	28.20	GIẢM	GIẢM		34.68				N/A		
VHM	88.00	TĂNG	TĂNG	87.30	85.77	0.80%		90.20	76.90	-2.44%	
VIB	16.80	GIẢM	TĂNG		18.39			17.70	16.40	-5.08%	
VIC	122.00	TĂNG	TĂNG	126.10	120.57	-3.25%		112.00	113.76	8.93%	
VJC	133.30	TĂNG	TĂNG	134.50	129.90	-0.89%		124.50	124.16	7.07%	
VNM	123.70	TĂNG	GIẢM	124.00	119.93	-0.24%			130.37		
VPB	20.10	TĂNG	TĂNG	19.10	19.65	5.24%		20.30	18.32	-0.99%	
VRE	33.70	GIẢM	TĂNG		35.31			34.00	33.61	-0.87%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15.95	GIẢM	GIẢM		16.64				18.10		
ANV	25.20	TĂNG	GIẢM	25.45	24.04	-0.98%			27.72		
ASM	5.98	GIẢM	GIẢM		6.28				6.91		
BMP	48.70	GIẢM	TĂNG		50.85			48.30	45.44	0.83%	
BWE	25.95	GIẢM	TĂNG		27.14			19.44	25.45	33.49%	
C4G	6.70	GIẢM	GIẢM		7.82				9.43		
CEO	10.00	GIẢM	GIẢM		10.35				11.21		
CII	20.00	GIẢM	GIẢM	21.05	20.05	-4.73%	BÁN		22.68		
CRE	25.00	TĂNG	GIẢM	25.40	24.63	-1.57%			26.06		
CTI	23.30	GIẢM	GIẢM		24.15				24.64		
CTR	37.00	GIẢM	#N/A		47.78			-	#N/A		
DCM	8.39	TĂNG	GIẢM	8.47	8.26	-0.94%		8.54	8.53	-0.09%	MUA
DHC	33.00	TĂNG	GIẢM	33.00	32.69	0.00%	MUA		35.46		

We Create Fortune

DIG	13.35	GIẢM	TĂNG		14.62			13.90	12.65	-3.96%	
DPM	13.20	GIẢM	GIẢM		13.92				15.13		
DRC	21.30	GIẢM	TĂNG	20.45	21.35	4.39%	BÁN	21.60	19.76	-1.39%	
DXG	15.15	TĂNG	TĂNG	16.15	14.32	-6.19%		15.50	12.29	-2.26%	
E1VFN30	14.69	TĂNG	GIẢM	14.62	14.67	0.48%			15.16		
FCN	11.95	GIẢM	GIẢM		12.49				13.62		
FLC	3.61	GIẢM	GIẢM		3.79				4.27		
FTM	6.56	GIẢM	GIẢM		8.52				15.81		
GEG	27.40	TĂNG	TĂNG	22.80	26.63	20.18%		12.90	23.98	112.40%	
GEX	21.50	TĂNG	TĂNG	22.20	20.27	-3.15%		20.20	18.55	6.44%	
GMD	26.85	GIẢM	TĂNG	26.55	27.45	3.39%	BÁN	28.50	25.99	-5.79%	
GTN	19.65	TĂNG	TĂNG	18.80	18.66	4.52%		15.00	16.84	31.00%	
GVR	13.20	GIẢM	#N/A		15.21			-	#N/A		
HAG	4.77	GIẢM	GIẢM		4.98				5.46		
HBC	13.10	GIẢM	GIẢM		13.71				15.60		
HCM	21.30	GIẢM	GIẢM		21.55				23.15		
HDG	33.00	GIẢM	TĂNG		36.08			35.30	32.61	-6.52%	
HPX	26.40	TĂNG	#N/A	26.60	26.06	-0.75%		-	#N/A		
HSG	6.49	GIẢM	GIẢM		6.90				7.74		
HT1	15.50	GIẢM	GIẢM		15.88				16.70		
IBC	20.40	GIẢM	TĂNG		20.83			24.90	20.15	-18.07%	
IDI	5.96	GIẢM	GIẢM		6.24				7.19		
IJC	14.70	GIẢM	TĂNG		15.59			13.10	13.12	12.21%	
ITA	3.18	GIẢM	TĂNG		3.40			3.20	2.96	-0.62%	
KBC	15.50	TĂNG	TĂNG	16.00	15.39	-3.13%		15.35	14.37	0.98%	
KSB	21.70	GIẢM	TĂNG		23.46			23.90	21.11	-9.21%	
LDG	10.05	TĂNG	TĂNG	8.18	9.48	22.86%		9.89	9.15	1.62%	MUA
LPB	7.40	GIẢM	GIẢM		7.84				8.33		
MBS	15.00	GIẢM	TĂNG		15.83			16.00	14.25	-6.25%	
MPC	27.90	GIẢM	GIẢM		30.41				36.71		
NBB	19.60	GIẢM	TĂNG		20.75			21.50	19.30	-8.84%	
NKG	5.75	GIẢM	GIẢM		6.29				6.85		
NLG	28.25	GIẢM	TĂNG		29.07			28.70	26.73	-1.57%	
NT2	25.30	TĂNG	GIẢM	25.10	24.87	0.80%			26.43		
NTC	147.50	GIẢM	GIẢM		178.30			120.00	162.94	35.79%	
NTL	21.95	GIẢM	GIẢM		24.09			9.33	23.02	146.69%	
NVB	7.20	GIẢM	GIẢM		7.53				8.41		
OGC	3.84	GIẢM	GIẢM		4.00				4.52		

We Create Fortune

PC1	19.85	TĂNG	TĂNG	17.45	18.22	13.75%		19.30	18.38	2.85%	MUA
PDR	26.20	GIẢM	TĂNG		26.78			23.60	25.01	11.04%	
PHR	53.30	GIẢM	GIẢM		62.17			22.86	64.76	183.25%	
PPC	25.00	GIẢM	GIẢM		26.44				29.10		
PTB	68.30	GIẢM	TĂNG		71.19			60.78	64.57	12.37%	
PVD	17.10	GIẢM	TĂNG	16.35	17.66	8.01%	BÁN	18.10	15.86	-5.52%	
PVI	32.80	GIẢM	GIẢM		35.55				39.70		
PVT	17.65	GIẢM	TĂNG		18.14			18.30	16.28	-3.55%	
QCG	4.53	GIẢM	GIẢM		4.92				5.28		
SAM	7.80	GIẢM	TĂNG		7.95			7.40	7.69	5.41%	
SBT	16.85	TĂNG	GIẢM	16.50	16.20	2.12%			17.18		
SCR	6.58	GIẢM	GIẢM	6.92	6.61	-4.49%	BÁN		7.11		
SHB	6.20	GIẢM	GIẢM		6.45				6.86		
SHS	6.80	GIẢM	GIẢM		7.73				9.02		
SJS	16.90	GIẢM	GIẢM	18.35	17.24	-6.05%	BÁN		19.89		
STK	21.50	TĂNG	GIẢM	22.10	20.48	-2.71%			24.36		
SZC	17.40	GIẢM	#N/A		21.07			-	#N/A		
TCH	23.45	TĂNG	TĂNG	22.05	21.73	6.35%		22.50	20.14	4.22%	
TCM	21.95	GIẢM	GIẢM		22.72				27.50		
TNG	18.00	GIẢM	GIẢM		18.87				21.22		
TTB	24.00	GIẢM	TĂNG		24.39			24.50	22.71	-2.04%	
VCI	31.90	GIẢM	TĂNG		34.32			36.00	30.78	-11.39%	
VGT	8.60	GIẢM	GIẢM		9.05				9.96		
VHC	80.00	TĂNG	GIẢM	80.80	75.84	-0.99%			88.18		
VND	13.75	GIẢM	GIẢM		14.07				15.52		
VNG	20.95	TĂNG	TĂNG	19.10	20.34	9.69%		20.20	18.34	3.71%	
VPI	41.35	TĂNG	TĂNG	42.20	40.42	-2.01%		41.30	39.27	0.12%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	10.00	GIẢM	#N/A		11.33			16.85	#N/A	#N/A	
AGR	4.90	GIẢM	TĂNG		5.19			3.99	4.34	22.81%	
AMD	1.54	GIẢM	GIẢM		1.63				1.89		
APG	8.60	GIẢM	TĂNG		9.29			9.90	7.90	-13.13%	
ART	1.70	GIẢM	GIẢM		2.15				2.61		
BCC	7.40	GIẢM	GIẢM	8.10	7.46	-7.87%	BÁN		8.95		

We Create Fortune

BCG	8.00	TĂNG	TĂNG	5.82	7.56	37.46%		6.39	6.55	25.20%	
C69	27.50	TĂNG	TĂNG	18.30	22.03	50.27%		5.30	14.07	418.87%	
CCL	9.00	TĂNG	TĂNG	6.38	8.50	41.07%		3.46	7.33	160.12%	
CRC	16.40	GIẢM	TĂNG	18.30	16.70	-8.76%	BÁN	18.90	15.04	-13.23%	
CVT	20.00	GIẢM	TĂNG		20.94			20.35	18.94	-1.72%	
DAG	6.80	TĂNG	TĂNG	6.55	6.78	3.82%		7.09	6.22	-4.09%	
DAH	10.05	GIẢM	GIẢM		11.22				13.48		
DGW	23.10	GIẢM	TĂNG		24.26			23.50	21.45	-1.70%	
DLG	1.55	GIẢM	GIẢM		1.60				1.65		
DRH	7.20	GIẢM	GIẢM		7.69				7.76		
DTD	14.80	GIẢM	TĂNG		17.78			12.90	14.20	14.73%	
EVG	2.61	TĂNG	GIẢM	2.80	2.58	-6.79%			3.02		
FIT	3.33	GIẢM	TĂNG		3.58			3.64	3.03	-8.52%	
GKM	15.00	TĂNG	GIẢM	15.00	14.73	0.00%			15.54		
HAH	14.35	GIẢM	TĂNG	12.80	14.65	14.46%	BÁN	13.00	13.48	10.38%	
HAI	1.63	GIẢM	GIẢM		1.72				1.93		
HAP	3.40	GIẢM	TĂNG		3.45			3.67	3.25	-7.36%	
HAR	3.53	TĂNG	GIẢM	3.56	3.50	-0.84%			3.88		
HCD	3.39	GIẢM	GIẢM		3.63				4.07		
HDA	10.40	GIẢM	GIẢM		11.26				13.28		
HDC	20.40	GIẢM	TĂNG		22.01			15.25	18.89	33.77%	
HHP	11.50	GIẢM	GIẢM		12.11				13.73		
HHS	2.81	GIẢM	GIẢM		3.00				3.31		
HII	11.00	GIẢM	GIẢM		11.65				12.29		
HQC	1.33	GIẢM	GIẢM		1.38				1.45		
HSL	9.00	TĂNG	GIẢM	8.10	8.61	11.11%			9.33		
HUT	2.30	TĂNG	GIẢM	2.40	2.17	-4.17%			2.83		
HVG	3.01	GIẢM	GIẢM		3.09				3.75		
HVH	20.30	GIẢM	#N/A		22.22				#N/A		
JVC	3.04	TĂNG	TĂNG	2.76	2.96	10.14%		3.10	2.68	-1.94%	
KLF	1.20	GIẢM	GIẢM		1.37				1.49		
KMR	2.52	GIẢM	GIẢM		2.70				3.12		
LCG	9.16	TĂNG	GIẢM	9.60	9.10	-4.58%			10.55		
LGL	10.25	GIẢM	TĂNG		10.78			7.11	9.25	44.10%	
LHG	16.95	GIẢM	GIẢM		18.56			19.30	17.32	-10.26%	
LMH	16.50	GIẢM	#N/A		17.17			-	#N/A		
MST	2.90	TĂNG	GIẢM	2.80	2.83	3.57%			3.16		
NDN	16.40	GIẢM	TĂNG		17.90			13.10	16.27	25.15%	
PHC	12.55	GIẢM	GIẢM		12.70				13.54		



We Create Fortune

PVB	19.90	GIẢM	TĂNG		21.35			20.10	19.27	-1.00%	
PVC	6.90	GIẢM	TĂNG		7.36			7.10	6.67	-2.82%	
PXL	5.50	GIẢM	GIẢM		6.29				6.65		
PXS	5.06	GIẢM	GIẢM		5.57				6.76		
QBS	3.02	GIẢM	GIẢM		3.20				3.36		
SFG	7.99	GIẢM	GIẢM		8.61				10.80		
SHI	9.49	TĂNG	TĂNG	8.39	8.90	13.11%		6.23	8.04	52.26%	
SJF	2.44	GIẢM	GIẢM		2.77				3.62		
SKG	11.10	GIẢM	GIẢM		11.61				12.51		
TDH	9.76	TĂNG	TĂNG	9.40	9.67	3.83%		10.15	8.93	-3.84%	
TIG	3.10	TĂNG	TĂNG	3.40	3.02	-8.82%		3.20	3.03	-3.13%	
TLD	6.03	TĂNG	TĂNG	5.35	5.63	12.71%		5.99	4.78	0.67%	
TLH	4.45	GIẢM	GIẢM	4.70	4.49	-4.51%	BÁN		5.13		
TNI	10.15	GIẢM	GIẢM		10.45				11.74		
TTF	2.90	GIẢM	GIẢM		3.07				3.57		
TTH	3.00	GIẢM	GIẢM		3.19				3.39		
TVB	16.40	GIẢM	GIẢM		17.32				19.51		
TVC	16.20	GIẢM	TĂNG		17.08			14.30	14.26	13.29%	
VC3	22.60	GIẢM	TĂNG		23.02			22.00	21.35	2.73%	
VCR	21.30	GIẢM	GIẢM	20.50	21.62	5.47%	BÁN		25.98		
VNE	3.10	TĂNG	GIẢM	3.35	3.07	-7.46%			3.70		
VPG	21.80	TĂNG	TĂNG	21.40	21.19	1.87%		20.46	19.34	6.57%	
VRC	15.50	TĂNG	GIẢM	15.40	15.42	0.65%			16.26		
YBM	9.88	GIẢM	GIẢM		10.25				11.71		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	970.26	-0.40%
VN30	883.04	-0.29%
VN Mid	952.47	-0.33%
VN Small	795.54	-0.98%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	99.97	-0.87%
HN30	180.69	-1.49%
VNX AllSh	857.28	-0.37%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	56.15	-0.60%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	433.42	
Bán	375.74	
GT ròng	57.68	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	13.08	
Bán	69.52	
GT ròng	-56.44	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	47.05	
Bán	28.49	
GT ròng	18.56	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NAF	1400	6.95%
HRC	2850	6.93%
DBD	1700	3.54%
TCH	800	3.53%
DHC	1050	3.29%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
AMV	400	2.11%
NVB	100	1.41%
NET	400	1.23%
TNG	100	0.56%
CEO	0	0.00%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NHH	3600	11.65%
MSR	600	3.53%
VTP	2700	2.09%
GEG	300	1.11%
VGT	0	0.00%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SZL	-3500	-6.92%
SZC	-1200	-6.45%
TDC	-590	-6.34%
HAH	-850	-5.59%
D2D	-3500	-5.22%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
L14	-5000	-8.62%
VCR	-1300	-5.75%
SHS	-300	-4.23%
PVS	-800	-3.96%
NDN	-400	-2.38%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SNZ	-3400	-12.73%
ACV	-7500	-9.55%
CTR	-3600	-8.87%
SIP	-9600	-8.60%
NTC	-13500	-8.39%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	408,204	
VHM	294,757	
VCB	288,180	
VNM	215,408	
GAS	190,055	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	35,183	
VCS	13,014	
VCG	11,617	
PVS	9,273	
PVI	7,580	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	156,047	
VGI	87,817	
VEA	68,609	
GVR	53,224	
MCH	51,139	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	11,063,720	20,625,876
VGC	8,209,770	738,216
HPG	5,385,540	5,604,788
STB	5,125,250	2,869,224
MBB	4,816,100	4,966,566

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
PVS	6,778,663	2,518,528
SHB	5,533,418	3,325,607
ACB	3,874,912	1,099,640
SHS	1,723,093	1,168,682
NET	1,669,536	85,078

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
KTL	1,489,200	71,167
BSR	1,237,555	1,286,961
GVR	1,181,851	1,302,044
VIB	1,160,010	839,456
VGI	1,075,765	733,107

Nguồn: Bloomberg & YSVN

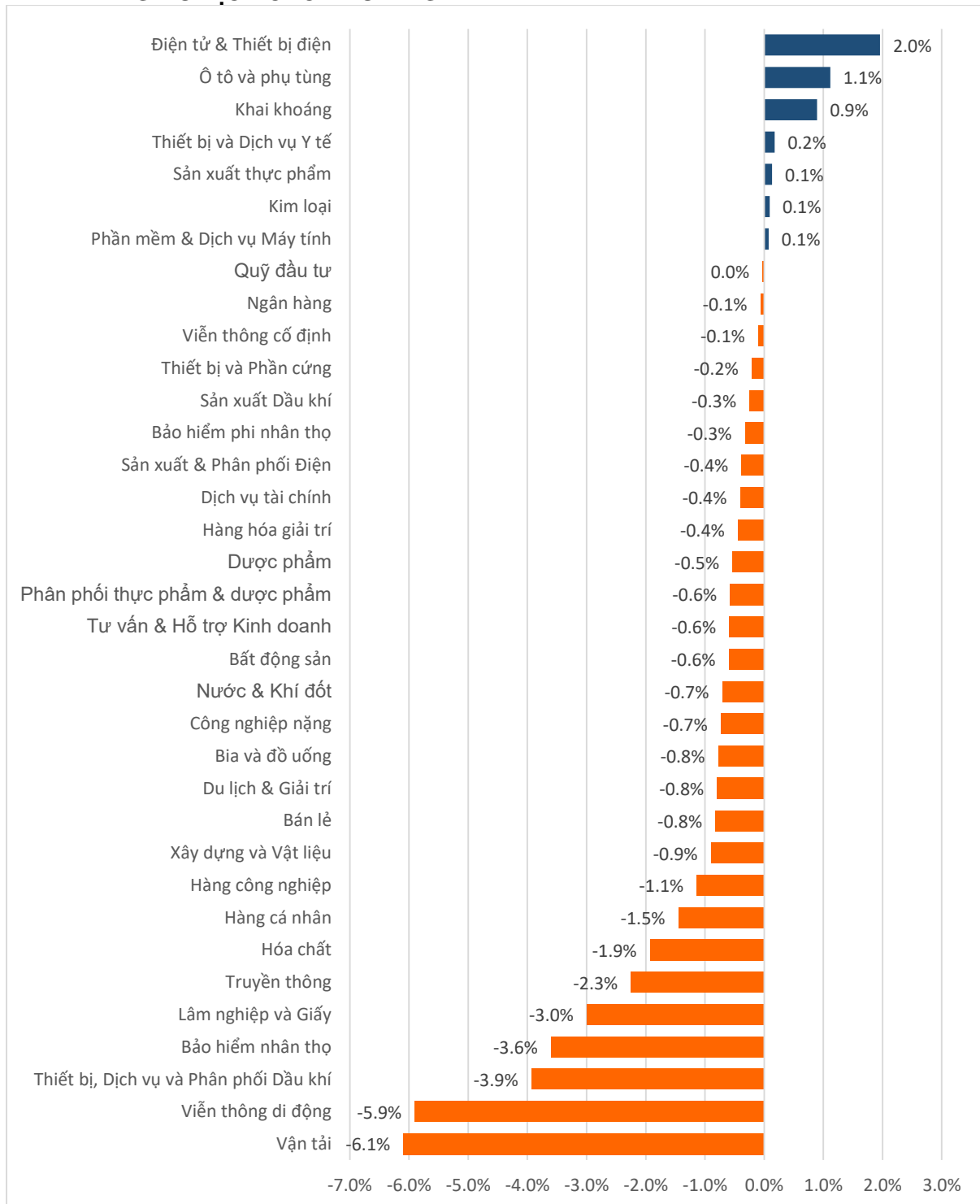
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



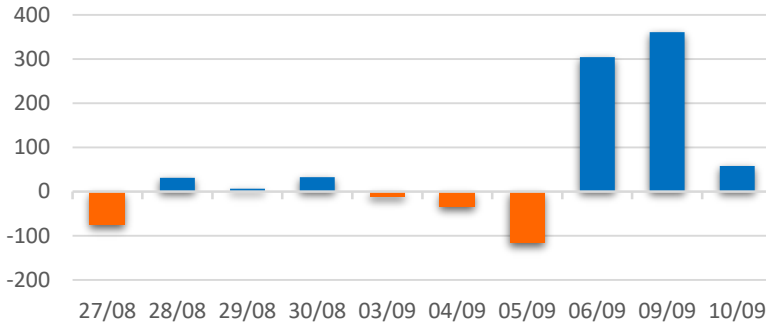
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

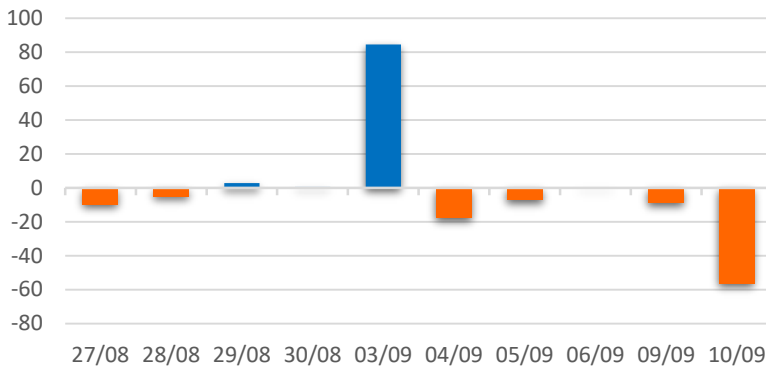
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PLX	28,483	PHR	44,092
NVL	24,117	STB	22,741
PC1	10,636	BVH	13,348
VIC	10,247	GTN	10,224
GEX	9,880	DPR	4,641

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

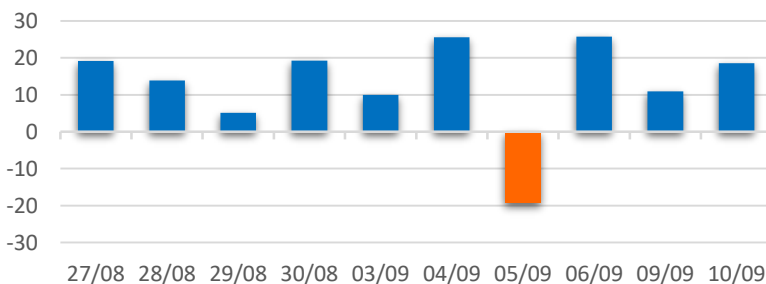
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PVS	1,926	NET	55,392
BAX	1,139	CEO	4,800
HUT	1,035	SHS	1,654
SCI	497	PVG	329
HDA	424	TNG	180

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
NTC	6,804	C21	4,815
VEA	5,472	OIL	2,963
QNS	4,886	VGX	286
VTP	2,958	WSB	231
BCM	2,891	CTR	384

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



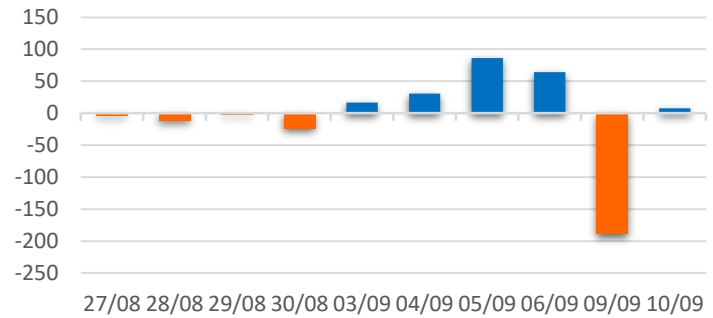
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

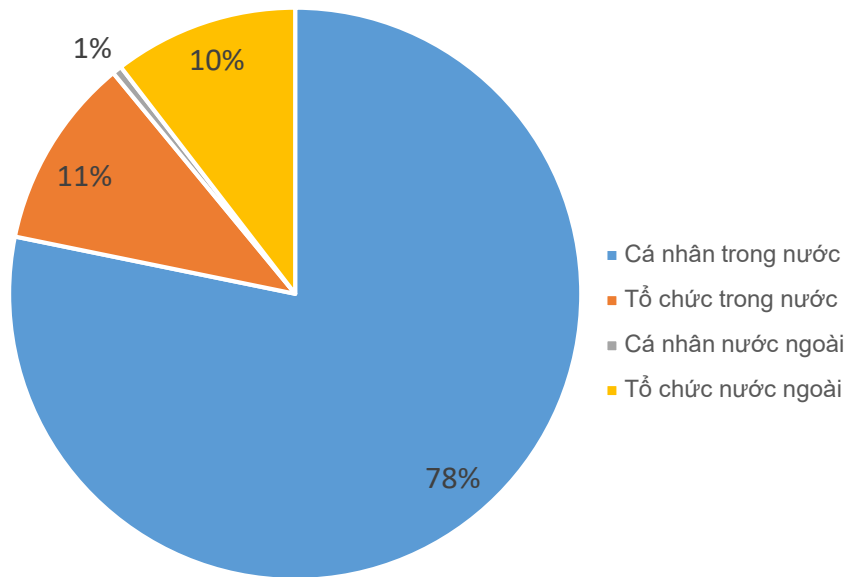
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
GEX	25,080	MBB	18,062
FPT	12,219	GEX	5,289
VNM	7,523	FPT	4,350
HPG	4,976	VNM	4,340
MWG	4,260	VIC	3,926

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

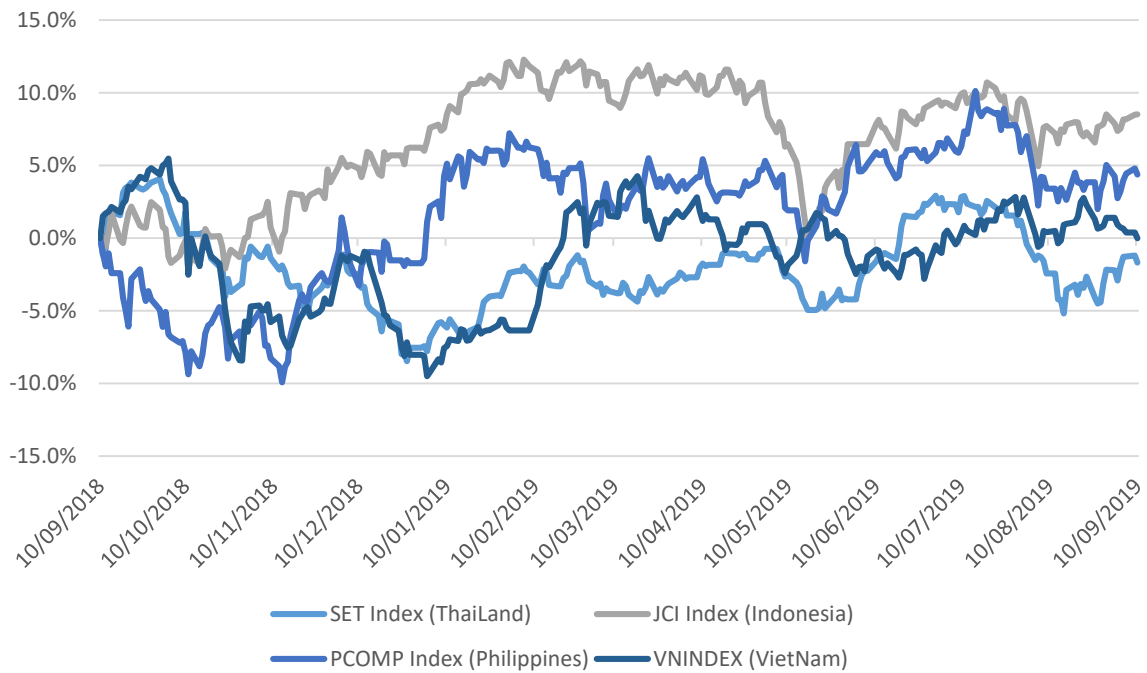


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

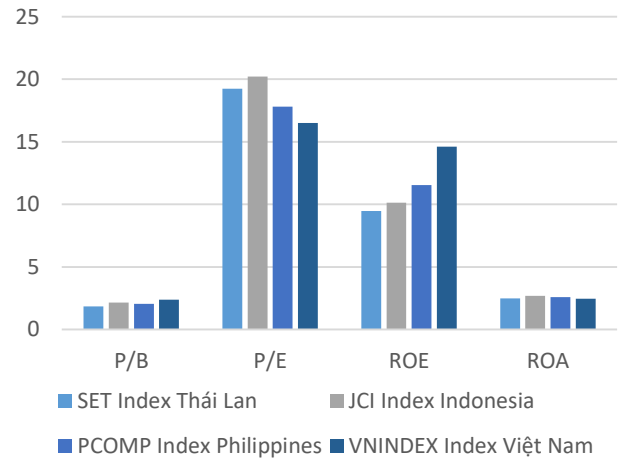
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.8x	2.2x	2.0x	2.4x
P/E		19.2x	20.2x	17.8x	16.5x
ROE	%	9.47	10.13	11.54	14.62
ROA	%	2.49	2.67	2.59	2.45
Vốn hóa	Tỷ USD	561.91	518.37	191.52	141.93
GTGD	Triệu USD	1.27	0.44	0.04	0.09
LS cổ tức	%	3.05	2.43	1.65	1.81

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuantan.com.vn

Đặng Phi Phôn

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3893

phon.dang@yuantan.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

**Giám đốc trung tâm kinh doanh
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written